

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 351/2025/DS-ST
Ngày: 31/3/2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nhơn**

2. Bà **Lâm Thị Hoàng Oanh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Hải An** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Huyền** - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 30 tháng 12 năm 2024, ngày 06 tháng 3 năm 2025 và ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1517/2023/TLST-DS về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 882/2024/QĐXXST – DS ngày 09 tháng 12 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-DS ngày 12/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 754/2024/QĐST – DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2025/QĐST – DS ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH S.VN**

Địa chỉ trụ sở: 154 đường x, Phường y, Quận z, tỉnh Nghệ An

Đại diện theo ủy quyền: ông Trần T.Q (theo Giấy ủy quyền số 550/2024/UQ-SVH ngày 15/6/2023)

Bị đơn: Bà **Lý K.K**

Địa chỉ: 821 đường x, Phường y, Quận z, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25/04/2023, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải do ông Trần T.Q – người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 23/01/2021, nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng cầm cố tài sản số QTM210101022NA17X. Để phục vụ nhu cầu chỉ tiêu cá nhân. Bị đơn đã yêu

cầu nguyên đơn cho bị đơn được cầm xe và được nhận giải ngân số tiền 20.000.000 đồng. Thời hạn cầm cố là 12 tháng, từ ngày 23/01/2021 đến ngày 23/01/2022, lãi suất cầm cố là 1.1% một tháng và phí Thảm định tài sản 4% một tháng theo dư nợ thực tế kể từ ngày nhận tiền. Trong nội dung của giấy ủy quyền, bị đơn đã đồng ý cho nguyên đơn có quyền cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng lợi tức đến khi chấm dứt hợp đồng. Thỏa thuận này thực hiện đúng quyền của bên nhận cầm cố quy định tại Khoản 3 Điều 314 bộ luật Dân sự 2015 "Bên nhận cầm cố được cho thuê, cho mượn, khai thác công cụ tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố nếu có thỏa thuận". Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên bị đơn có làm đơn xin mượn lại xe cầm cố trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 23/01/2021 đến hết ngày 23/02/2021 sẽ trả lại xe đã mượn nguyên đơn. Địa điểm tra xe tại Chi nhánh Hồ Chí Minh 3 - Công ty TNHH S.VN. Địa chỉ cụ thể là 747 Quang Trung, Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn cam kết: "Hoàn trả lại tài sản đã mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận ". Để đảm bảo cho khoản cầm cố tài sản số QTM210101022NA17X ký ngày 23/01/2021. Bà Lý K.K đã thế chấp tài sản đảm bảo bằng một chiếc xe máy có nhãn hiệu HONDA_AIR BLADE mang biển số 59S2-849.60 màu Đen Bạc với số khung là 6300FZ235052 và số máy là JF63E1589144, bản chính giấy đăng ký xe số 119335, cấp ngày 13/12/2017. Tài sản trên đã được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục đăng ký Quốc Gia với số hợp đồng là 1403116081.

Bắt đầu từ kỳ của ngày 23/2/2021 đến nay, bị đơn đã quá hạn thanh toán đến hơn 44 tháng, nhưng vẫn không trả lại xe cầm cố và đồng thời cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe. Dù là đã nhận thư thông báo và được gọi điện nhiều lần, nhưng bị đơn vẫn không trả lại tài sản cầm cố cho nguyên đơn và đồng thời cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết.

Từ lúc ký hợp đồng cầm cố tài sản và nhận tiền, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 2.360.000 đồng (trong đó gồm có 1,263,244.24 đồng tiền gốc; 222.198 đồng tiền lãi; 807,992.76 đồng Phí Thảm định tài sản 4% 66.565 đồng phí hao mòn và bảo dưỡng tài sản) và số tiền lúc mở hồ sơ là 1.150.000 đồng.

Nay nguyên đơn đồng ý tất cả số tiền mà bị đơn nộp vào cho nguyên đơn đều được trừ hết vào số tiền 20.000.000 đồng. Tính đến nay, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 16.490.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 16.490.000 đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời bị đơn phải chịu thêm lãi suất là 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tính từ ngày 23/4/2021 đến khi xét xử. Ngoài 02 yêu cầu trên, công ty không có yêu cầu nào khác.

Nguyên đơn vẫn đang giữ bản chính giấy đăng ký xe mang biển số 5952-849.60 với số khung là 6300FZ235052 và số máy là JF63E1589144. Sau khi bị đơn trả đầy đủ tiền thì nguyên đơn sẽ trả lại cho bị đơn bản chính này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

Về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 203 BLTTDS. Các phần còn lại Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Hội đồng xét xử: Thời gian, địa điểm mở phiên Tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng qui định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ những chứng cứ trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại quận Bình Thạnh, TP.HCM nên căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, TP.HCM.

Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi. Do đó, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết vụ án.

+ Đối với yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 16.490.000 đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Vào ngày 23/01/2021, nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng cầm cố số QTM210101022NA17X với nội dung: bị đơn đồng ý giao cho nguyên đơn cầm cố, quản lý tài sản xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số: 59S2-849.60 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 119335 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2017. Thời hạn cầm cố là 12 tháng kể từ ngày 23/01/2021 đến ngày 23/01/2022, lãi suất cố định là 1.1%/tháng, phí thẩm định tài sản 4%/tháng theo dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền, phí đăng ký và xóa giao dịch bảo đảm là 150.000 đồng/lần. Bị đơn cam kết thanh toán tiền kỳ hàng tháng với số tiền là 2.269.252 đồng vào ngày 23 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 2/2021 đến 01/2022. Nguyên đơn đã giao cho bị đơn số tiền cầm cố là 20.000.000 đồng theo phiếu chi ngày 23/01/2021. Đồng thời bị đơn đã giao xe và bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang biển số 59S2-849.60 màu Đen Bạc với số khung là 6300FZ235052 và số máy là JF63E1589144 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2017.

Theo nội dung giấy ủy quyền ngày 23/01/2021 thì bị đơn đồng ý ủy quyền cho nguyên đơn được quản lý, sử dụng, định đoạt chiếc xe mang biển số 59S2-849.60. Căn cứ Khoản 3 Điều 314 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Bên nhận cầm cố được quyền cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố, nếu có thỏa thuận”.

Do không có phương tiện đi lại nên bị đơn đã làm giấy mượn xe ngày 23/01/2021, thời gian mượn là 30 ngày (từ ngày 23/01/2021 đến 23/02/2021). Bị đơn xác nhận đã chiếc xe Honda Air Blade, biển số 59S2-849.60 từ nguyên đơn vào ngày 23/01/2021.

Kể từ ngày 23/01/2021, bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 3.510.000 đồng (trong đó: phiếu thu ngày 23/01/2021: 1.150.000 đồng, phiếu thu mẫu số V-HO-2103V04170 ngày 17/3/2021: 66.565 đồng, phiếu thu mẫu số V-HO-2103V04171 ngày 17/3/2021: 2.293.435 đồng).

Nay nguyên đơn đồng ý tất cả số tiền 3.510.000 đồng mà bị đơn nộp vào cho nguyên đơn đều được trừ hết vào số tiền 20.000.000 đồng tiền cầm cố tài sản. Như vậy, tính đến thời điểm hiện nay, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 16.490.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu bị đơn phải chịu thêm lãi suất là 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tính từ ngày 23/4/2021 đến khi xét xử (ngày 31/3/2021):

Hội đồng xét xử nhận thấy: bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn vào ngày 23/01/2021 và ngày 17/3/2021 nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi suất cố định theo định kỳ hàng tháng (ngày 23 hàng tháng) tại Điều 4 của hợp đồng cầm cố. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 23/4/2021 cho đến ngày 31/03/2021 với mức lãi suất là 10%/năm (tương đương là 0.833%/tháng và 0.02777%/1 ngày). Hội đồng xét xử nhận thấy mức lãi

suất này thấp hơn lãi suất trong hợp đồng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi: $16.490.000 \text{ đồng} \times (10\%/\text{năm} \times 3 \text{ năm} + 0.833\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} + 0.027\%/\text{ngày} \times 8 \text{ ngày}) = 6.493.597 \text{ đồng}$.

Tổng cộng, tính đến ngày 31/03/2025: bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là $16.490.000 \text{ đồng} + 6.493.597 \text{ đồng} = 22.983.597 \text{ đồng}$

+ Đối với yêu cầu bị đơn trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật:

Hội đồng xét xử nhận thấy: quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ mặc dù nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần và tạo điều kiện trả nợ cho bị đơn. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền nợ 22.983.597 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

Đối với tài sản cầm cố là chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số: 59S2-849.60 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 119335 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2017 cho bị đơn đã được nguyên đơn giao lại cho bị đơn theo giấy mượn xe ngày 23/01/2021 và nguyên đơn cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nguyên đơn phải trả lại bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang biển số 59S2-849.60 với số khung là 6300FZ235052 và số máy là JF63E1589144 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2017 cho bị đơn

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án dân sự sơ theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 309, Điều 314 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức và thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S.VN

1.1 Buộc bà Lý K.K trả cho Công ty TNHH S.VN số tiền 22.983.597 đồng (tiền gốc là 16.490.000 đồng, lãi là 6.493.597 đồng), trả làm một lần ngay sau khi bản án đã có hiệu lực pháp luật.

1.2 Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3 Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành số tiền nêu trên thì bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Công ty TNHH S.VN phải trả lại bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang biển số 5952-849.60 với số khung là 6300FZ235052 và số máy là JF63E1589144 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2017 cho bà Lý K.K

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: là 1.149.180 đồng bà Lý K.K phải nộp. Hoàn trả cho Công ty TNHH Srisawad số tiền tạm ứng án phí là 1.162.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số 0028116 ngày 05/06/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, TP.HCM.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM;
- VKS ND Quận Bình Thạnh;
- THA DS Quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)
Vũ Thị Ngọc Yến